

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ)

Tên chương trình	Quản trị kinh doanh tổng hợp
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Loại hình đào tạo:	Chính quy

*(Ban hành theo Quyết định số 1264/QĐ-ĐHHD, ngày 18/9/2011
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt. Có kiến thức chuyên môn và có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết về tổ chức sản xuất kinh doanh để khai thác được nguồn lực hợp lý, tối đa; quản lý kinh tế theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước một cách có hệ thống, đặc biệt là kiến thức về quản trị kinh doanh, tổ chức sản xuất kinh doanh, biết đánh giá hiệu quả kinh doanh, hiệu quả sử dụng nguồn vật tư, nguồn lao động, tiền vốn; có khả năng tham gia nghiên cứu đề xuất các giải pháp tổ chức kinh doanh có hiệu quả cao.

1.2.2. Về kỹ năng

Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về thực hành, vận dụng kiến thức quản trị để tư vấn, có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới.

1.2.3. Về đạo đức

- Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng những phẩm chất đạo đức của con người Việt Nam mới, yêu nước xã hội chủ nghĩa, yêu lao động và sáng tạo, yêu nghề, sống cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư.

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chấp hành nghiêm túc mọi chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

1.2.4. Về khả năng công tác

- Vị trí công tác: Sinh viên tốt nghiệp ra trường có khả năng làm việc độc lập trong công tác quản trị ở các doanh nghiệp, đơn vị kinh tế thuộc các thành phần kinh tế.

- Chức năng công tác: Là nhân viên quản lý kinh tế đảm nhận được công việc theo dõi, chỉ đạo, điều hành và thực hiện những nghiệp vụ cụ thể về sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp, đơn vị kinh tế.

1.2.5. Về sức khoẻ: Có đủ sức khoẻ để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm (48 tháng)

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 130 tín chỉ (chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

4. Đối tượng tuyển sinh: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng BGD &ĐT (Quy chế 43).

6. Thang điểm: Theo Quy chế 43.

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương	46 TC
7.1.1. Lý luận chính trị	10 TC
7.1.2. Ngoại ngữ	12 TC
7.1.3. Giáo dục thể chất	75 Tiết
7.1.4. Giáo dục Quốc phòng	165 tiết
7.1.5. KHXH, KHTN, CN&MT	24 TC
+ <i>Bắt buộc</i>	16 TC
+ <i>Tự chọn</i>	8 TC
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	84 TC
7.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành	20 TC
7.2.2. Kiến thức chung của ngành	16 TC
+ <i>Bắt buộc</i>	12 TC
+ <i>Tự chọn</i>	4 TC
7.2.3. Kiến thức ngành	23 TC
+ <i>Bắt buộc</i>	19 TC
+ <i>Tự chọn</i>	4 TC
7.2.4. Kiến thức bổ trợ	14 TC
+ <i>Bắt buộc</i>	10 TC
+ <i>Tự chọn</i>	4 TC
7.2.5. Thực tập, khoá luận / học phần thay thế KLTN	11 TC

8. Kế hoạch giảng dạy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học kì	Bộ môn quản lý HPq
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	Kiến thức giáo dục đại cương		46							
I	Lý luận chính trị		10							
1		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin 1	2	21	17	-	90	-	1	Nguyên lý
2		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin 2	3	32	27	-	135	1	2	Nguyên lý
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	-	90	2	3	TT-PL
4		Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	32	26	-	135	3	4	Đường lối
II	Ngoại ngữ		12							
5		Tiếng Anh 1	4	36	48	-	180	-	3	NN K. chuyên
6		Tiếng Anh 2	3	27	36	-	135	5	4	NN K. chuyên
7		Tiếng Anh 3	3	27	36	-	135	6	5	NN K. chuyên
8		Tiếng Anh 4	2	18	24	-	90	7	6	NN K. chuyên
III	Giáo dục thể chất và quốc phòng									
		Giáo dục thể chất	75t					-		K.GDTC
		Giáo dục quốc phòng	165t					-		TT.GDQP
IV	Khoa học tự nhiên, KHXH và nhân văn		24							
9		Toán cao cấp	4	36	48	-	180	-	1	Toán ứng dụng
10		Lý thuyết XS và thống kê toán	3	27	36	-	135	9	2	Toán ứng dụng
11		Tin học	2	10		40	90	-	1	Tin ứng dụng
12		Pháp luật đại cương	2	18	24	-	90	-	2	Tư tưởng -PL
13		Lý thuyết mô hình toán kinh tế	3	27	36	-	135	19	4	BM Kinh tế
14		Lịch sử kinh tế quốc dân	2	18	24	-	90	2	3	BM Kinh tế
15		Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	18	24	-	90	-	1	NN & PPDH NV
16	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
		Xã hội học đại cương	2	18	24	-	90	-	1	NN & PPDH NV
		Tâm lý học quản lý kinh doanh	2	18	24	-	90	-	1	Tâm lý GD
17	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
		Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	18	24	-	90	-	1	VN học-du lịch
		Địa lý kinh tế Việt Nam	2	18	24	-	90	-	1	Địa lý
18	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
		Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	18	24	-	90	-	2	Nguyên lý
		Logic học đại cương	2	18	24	-	90	-	2	Nguyên lý
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		84							
I	Kiến thức cơ sở khối ngành		20							
19		Kinh tế vi mô	3	27	36	-	135	2	2	BM Kinh tế
20		Kinh tế vĩ mô	3	27	36	-	135	2	4	BM Kinh tế
21		Kinh tế lượng	3	27	36	-	135	13	6	BM Kinh tế
22		Marketing căn bản	3	27	36	-	135	19	3	BM. QTKD
23		Nguyên lý kế toán	3	27	36	-	135	2	3	BM Kế toán
24		Luật kinh tế	3	27	36	-	135	12	3	Tư tưởng -PL
25		Nguyên lý thống kê	2	18	24	-	90	19	4	BM TC-TK

II	Kiến thức chung của ngành	16								
26	Quản trị học	3	27	36	-	135	19	4	BM. QTKD	
27	Quản trị chiến lược	3	27	36	-	135	32	6	BM. QTKD	
28	Quản trị tài chính DN	3	27	36	-	135	44	7	BM TC-TK	
29	Quản trị nhân lực	3	27	36	-	135	32	7	BM. QTKD	
30,31	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>	2								
	Hệ thống thông tin quản lý	2	18	24	-	90	19	5	Các HTTT	
	Kinh tế phát triển	2	18	24	-	90	19	5	BM Kinh tế	
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>	2								
	Kinh tế đầu tư	2	18	24	-	90	19	5	BM Kinh tế	
	Kinh tế lao động	2	18	24	-	90	19	5	BM Kinh tế	
III	Kiến thức ngành	23								
32	Quản trị doanh nghiệp	3	27	36	-	135	26	5	BM. QTKD	
33	Quản trị sản xuất	2	18	24	-	90	32	6	BM. QTKD	
34	Quản lý chất lượng	3	27	36	-	135	32	6	BM. QTKD	
35	Quản trị Marketing	3	27	36	-	135	22	7	BM. QTKD	
36	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	18	24	-	90	28	7	BM KT-KT	
37	Hành vi người tiêu dùng	2	18	24	-	90	22	7	BM. QTKD	
38	Quản trị KD quốc tế	2	18	24	-	90	32	8	BM. QTKD	
39,40	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>	2								
	Quản trị cung ứng	2	18	24	-	90	32	8	BM. QTKD	
	Quản trị DN thương mại	2	18	24	-	90	32	8	BM. QTKD	
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>	2								
	Thống kê doanh nghiệp	2	18	24	-	90	25	7	BM TC-TK	
	Bảo hiểm trong DN	2	18	24	-	90	32	7	BM. QTKD	
IV	Kiến thức bổ trợ	14								
41	Kinh tế quốc tế	2	18	24	-	90	19	6	BM Kinh tế	
42	Kế toán quản trị chi phí	3	27	36	-	135	23	5	BM.Kế toán	
43	Tài chính tiền tệ	3	27	36	-	135	19	5	BM TC-TK	
44	Kinh tế các ngành	2	18	24	-	90	20	7	BM Kinh tế	
45	Lập và phân tích dự án đầu tư	2	18	24	-	90	19	5	BM Kinh tế	
46,47	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>	2								
	Văn hoá doanh nghiệp	2	18	24	-	90	32	7	BM. QTKD	
	Kinh tế môi trường	2	18	24	-	90	19	7	BM Kinh tế	
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>	2								
	Thuế	2	18	24	-	90	43	6	BM TC-TK	
	Thị trường chứng khoán	2	18	24	-	90	43	6	BM TC-TK	
V	Thực tập, Khoá luận tốt nghiệp (học phần thay thế khóa luận TN)	11								
48	Thực tập tốt nghiệp	5	-	-	150	225	1-47	8	BM. QTKD	
49	Khoá luận tốt nghiệp	6	-	180	-	270	48	8	BM. QTKD	
	<i>Học phần thay thế KLTN</i>									
	Quản trị bán hàng	3	27	36	-	135	48	8	BM. QTKD	
	Khởi sự doanh nghiệp	3	27	36	-	135	48	8	BM. QTKD	
	Tổng	130								

9. Mô tả tóm tắt các học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin 1/The basic principles of Maxism 1 **2TC (21; 18; 0)**

Nội dung thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin 2/The basic principles of Maxism 2 **3 TC (32; 26; 0)**

Điều kiện tiên quyết: 9.1

Nội dung thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh /HoChi Minhs ideology **2 TC (21;18;0)**

Điều kiện tiên quyết: 9.2

Nội dung thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.4. Đường lối CM của Đảng cộng sản Việt Nam /Vietnamese revolution policy **3 TC (32; 26; 0)**

Điều kiện tiên quyết: 9.3

Nội dung thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.5. Tiếng Anh 1/English 1 **4 TC (36; 48;0)**

Điều kiện tiên quyết: 175 điểm TOEIC

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung, cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, và hình thành kỹ năng áp dụng các kiến thức cơ bản này vào các hoạt động nghe, nói, đọc, viết với các chủ đề thông thường hoặc các tình huống diễn ra hàng ngày trong cuộc sống hoặc nơi làm việc. Học xong chương trình này, sinh viên có thể tham gia vào kỳ thi theo định hướng TOEIC đạt tối thiểu 275 điểm.

9.6. Tiếng Anh 2/English 2

3 TC (27; 36;0)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Trong học phần Tiếng Anh 2, sinh viên được ôn tập lại các cấu trúc ngữ pháp quan trọng ở học phần Tiếng Anh 1 đồng thời được cung cấp kiến thức ngữ pháp nâng cao, tiếp tục hoàn thiện các kỹ năng áp dụng các kiến thức cơ bản này vào các hoạt động nghe, nói, đọc, viết với các chủ đề thông thường hoặc các tình huống diễn ra hàng ngày trong cuộc sống hoặc nơi làm việc. Học xong chương trình này, sinh viên có thể tham gia vào kỳ thi theo định hướng TOEIC đạt tối thiểu 350 điểm.

9.7. Tiếng Anh 3/English 3

3 TC TC (27; 36;0)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Trong học phần Tiếng Anh 3, sinh viên được phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở các mức độ giao tiếp thông thường, sử dụng tiếng Anh trong các tình huống như: đoán nội dung của bài nghe qua ngữ pháp, đoán nghĩa của câu, từ qua nội dung diễn ngôn, đoán nội dung qua ngữ điệu và trọng âm, nghe nội dung chính của bài, đoán nghĩa của từ mới dựa vào ngữ cảnh, nắm được các dấu hiệu chỉ nguyên nhân, kết quả, suy luận nội dung của bài đọc, viết một đoạn văn và một bài luận Tiếng Anh về các chủ đề. Kết thúc học phần này người học đạt điểm TOEIC tối thiểu 400 điểm.

9.8. Tiếng Anh 4/English 4

2 TC (18; 24;0)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 3

Học phần giúp sinh viên thực hành luyện kỹ năng nghe, đọc hiểu và kỹ năng làm bài thi theo dạng bài thi TOEIC. Bài đọc gồm các nội dung như: tổng hợp nội dung ngữ pháp từ vựng, đọc hiểu và điền từ cho sẵn vào bài khoá, đọc một bài đọc ngắn về nội dung liên quan đến văn phòng, công việc và giao tiếp hàng ngày và trả lời các câu hỏi đa lựa chọn cho trước, đọc và ghép nối nội dung của hai bài đọc ngắn và trả lời các câu hỏi thông qua việc lựa chọn câu trả lời đúng. Dạng bài tập này giúp sinh viên có kỹ năng tổng hợp trong quá trình đọc. Bài Nghe gồm các nội dung như: lựa chọn miêu tả phù hợp với tranh cho sẵn, lựa chọn các câu trả lời đúng cho các câu hỏi trong giao tiếp thông thường. Nghe các cuộc hội thoại ngắn và các bài nói chuyện về một nội dung liên quan đến các vấn đề văn hoá, xã hội. Phát triển các kỹ năng nghe như: nghe lấy ý chính, nghe để nhận diện đồ vật, nghe để lấy thông tin chi tiết và suy luận vv...

Kết thúc học phần này người học đạt điểm TOEIC tối thiểu 450 điểm.

Giáo dục thể chất /Physical education

75 Tiết

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Giáo dục quốc phòng /Military education

165 tiết

Nội dung thực hiện theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.9. Toán cao cấp /Advanced mathematics 4 TC (36; 48; 0)

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính; Không gian vectơ số học n chiều; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Dạng toàn phương thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý. Các kiến thức cơ bản về Giải tích toán học; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến số; Hàm nhiều biến và hàm ẩn; Các bài toán cực trị; Phép tính tích phân; Phương trình sai phân thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý.

9.10. Lý thuyết xác suất và thống kê toán /Theory of probability and mathematics statistics 3 TC (27; 36; 0)

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Học phần được cấu thành 2 phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung.

- Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính qui luật của các hiện tượng ngẫu nhiên.
- Phần thống kê toán bao gồm: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

9.11. Tin học /Informatics 2 TC (10; 0; 40)

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tin học, thông tin và xử lý thông tin, đơn vị đo thông tin, vị trí vai trò của các thành phần trong máy tính điện tử, cách tổ chức lưu trữ thông tin bằng máy tính điện tử. Vai trò, chức năng của hệ điều hành, các khái niệm cơ bản, một số lệnh của WINDOWS, các kỹ năng khai thác WINDOWS và Internet. Xử lý văn bản (Microsoft Word), các thao tác cơ bản với file văn bản, định dạng văn bản, chèn trang ảnh, các ký tự đặc biệt, tạo bảng biểu trong Word. Tạo các slide, các hiệu ứng để trình chiếu trong Powerpoint. Xử lý bảng tính Excel, định dạng bảng tính, sử dụng các hàm thông dụng của Excel, xây dựng các biểu đồ, đồ thị để minh họa cho các dữ liệu cần nghiên cứu, phân tích.

9.12. Pháp luật đại cương /Fundamentals of legislation 2TC (18;24;0)

Nội dung thực hiện theo Chỉ thị số 45/2007/CT-BGDĐT ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng BGDĐT.

9.13. Lý thuyết mô hình toán kinh tế /Econometrics

3TC (27;36;0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Học phần gồm những kiến thức cơ bản của quá trình mô hình hóa kinh tế. Với các kiến thức này người học có thể áp dụng để thiết lập và phân tích các mô hình kinh tế. Đề cập tới mô hình tối ưu ứng dụng trong phân tích kinh tế, hành vi tối ưu của tác nhân kinh tế. Trên cơ sở nguồn lực có giới hạn các tác nhân luôn muốn đạt mục tiêu tối đa, với công cụ toán học phân tích các mô hình hành vi giúp đưa ra các quyết định lựa chọn tối ưu nhất và phân tích tác động của một số yếu tố ngoại sinh tới hành vi này.

Những phương pháp thiết lập mô hình quy hoạch tuyến tính để mô tả các vấn đề, tình huống trong quản lý kinh doanh, như bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán bố trí sản xuất và tiêu thụ.... Phân tích mô hình và tìm lời giải cho vấn đề tối ưu của các nhà quản lý.

Sử lý mô hình cân đối liên ngành (phân tích và dự báo) cho các nhà hoạch định kinh tế vĩ mô có thể có các quyết định tin cậy.

9.14. Lịch sử kinh tế quốc dân /History of national Economy

2 TC (18; 24; 0)

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN

Lịch sử kinh tế quốc dân là một môn khoa học - xã hội giới thiệu tổng hợp về quá trình hình thành và phát triển kinh tế của một số nước trên thế giới (Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên Xô) và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử khác nhau. Môn học cũng khái quát những đặc trưng cơ bản về quá trình hình thành và phát triển kinh tế của các nước (về sự phát triển của quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất và các yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng như chủ trương, đường lối và các chính sách phát triển kinh tế) đồng thời chỉ ra những bài học kinh nghiệm và xu hướng vận động khách quan của các mô hình kinh tế các quốc gia trong suốt các thời kỳ lịch sử khác nhau.

9.15. Kỹ thuật soạn thảo văn bản /The Technology of compiling style

2 TC (18;24;0)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về quá trình hình thành văn bản và văn bản quản lý Nhà nước, gồm: Giao tiếp, xây dựng văn bản; khái quát về văn bản quản lý Nhà nước, kỹ thuật soạn thảo văn bản.

9.16. Chọn 1 trong số 2 học phần sau

a. Xã hội học đại cương / General sociology

2 TC (18; 24; 0)

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về xã hội học bao gồm: Đối tượng, chức năng của xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, cấu trúc của môn

xã hội học, lý thuyết và thực hành hệ thống các K /S và nguyên lý cơ bản của xã hội học, một số phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học, quan hệ giữa xã hội học và công tác xã hội.

b. Tâm lý học quản lý kinh doanh /Business Administration psychology

2 TC (18 ;24 ;0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trình bày khái quát về bản chất, chức năng của tâm lý; những vấn đề chung của tâm lý học quản lý kinh doanh; đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại; đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh; giao tiếp trong quản lý kinh doanh; các vấn đề về sử dụng con người trong quản lý kinh doanh.

9.17. Chọn 1 trong 2 học phần sau

a. Cơ sở văn hoá Việt Nam /Basic Vietnam culture 2 TC (18; 24; 0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm chung về văn hoá Việt nam văn hoá Việt nam từ cội nguồn đến hiện đại, những kiến thức cơ bản làm nền cho việc tiếp nhận những tri thức liên quan đến văn hoá Việt nam, nắm vững những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hoá Việt nam từ cội nguồn đến hiện đại, qua đó nhận thức rõ bản sắc văn hoá dân tộc, bản lĩnh của dân tộc, tin tưởng vào sự phát triển và sự trường tồn của văn hoá Việt nam.

b. Địa lý kinh tế Việt Nam /Vietnam economic geography

2TC (18; 24; 0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trình bày các nội dung chínhNXB Vị trí của kinh tế Việt nam trong tổng thể kinh tế thế giới, các nguồn lực để phát triển kinh tế xã hội ở nước ta: đặc điểm phát triển, hiện trạng, phân bố và xu hướng phát triển các ngành, các vùng kinh tế ở nước ta. Thực hành được kỹ năng phân tích biểu đồ số liệu thống kê và đọc được các bản đồ địa lý kinh tế Việt Nam.

9.18. Chọn 1 trong 2 học phần sau

a. Lịch sử các học thuyết kinh tế /History of Business theory 2 TC (18;24;0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Giới thiệu hoàn cảnh, điều kiện ra đời các tác và các tác phẩm tiêu biểu, nội dung các học thuyết kinh tế trọng thương, trọng nông, kinh tế chính trị tư sản cổ điển, tiểu tư sản, học thuyết Mác - Lênin, các học thuyết kinh tế hiện đại. Trên cơ sở đó giúp cho người học có năng lực phê phán, kế thừa, chọn lọc, bổ sung và phát triển cho phù hợp với điều kiện Việt Nam.

b. Logic học đại cương /General logic**2 TC (18; 24; 0)***Điều kiện tiên quyết:* không

Cung cấp những vấn đề của logic học truyền thống, một số nội dung của logic học hiện đại, lịch sử logic. Những quy luật, những hình thức cơ bản của tư duy.

9.19. Kinh tế vi mô/Microeconomics**3 TC (27;36;0)***Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin 2

Môn học Kinh tế vi mô giới thiệu các kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật giá cả, quy luật cạnh tranh. Môn học còn đề cập đến hành vi của các tác nhân trong một nền kinh tế như người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ, làm thế nào để đạt được mục tiêu kinh tế của họ trong giới hạn về nguồn lực hiện có là nội dung xuyên suốt trong nghiên cứu hành vi của các tác nhân kinh tế đó. Ngoài ra trong môn học này sinh viên cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản về hoạt động của các loại thị trường như thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố sản xuất cũng như một số trục trặc của nền kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ.

9.20. Kinh tế vĩ mô/Macroeconomics**3 TC (27; 36; 0)***Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin 2

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế học, kinh tế học vĩ mô, tổng sản phẩm quốc dân (GNP), tổng sản phẩm quốc nội (GDP), sản phẩm quốc dân ròng (NNP), thu nhập quốc dân (Y), thu nhập có thể sử dụng (YD). Phương pháp để xác định các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu. Khái tổng cầu và các mô hình tổng cầu; Phương pháp xác định sản lượng cân bằng trong các mô hình tổng cầu; Mức cung tiền, mức cầu tiền; Mô hình đường IS LM trong nền kinh tế đóng; Chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ và sự vận dụng hai chính sách tác động đến trạng thái cân bằng của nền kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

Các khái niệm về tổng cung, thất nghiệp, lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lạm phát; tác hại của thất nghiệp và lạm phát đối với đời sống kinh tế xã hội; Các loại thất nghiệp và biện pháp hạ thấp tỷ lệ thất nghiệp; Thương mại quốc tế; Tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế; Chính sách tài khoá và tiền tệ trong điều kiện nền kinh tế mở.

9.21. Kinh tế lượng /Quatitative economics**3 TC (27; 36; 0)***Điều kiện tiên quyết:* Lý thuyết mô hình toán kinh tế

Nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, ước lượng và kiểm định giả thiết trong mô hình hồi quy đơn.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản phân tích hồi quy trong mô hình hồi quy bội, mô hình hồi quy có biến giả. Cách phát hiện và khắc phục khuyết tật đa cộng tuyến trong mô hình hồi quy.

Người học nắm được bản chất, cách phát hiện và biện pháp khắc phục các khuyết tật của mô hình hồi quy.

9.22. Marketing căn bản /Basic marketing **3 TC (27; 36; 0)**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Marketing là hoạt động không thể thiếu được trong kinh doanh hiện đại. Học phần này giúp cho sinh viên xây dựng nhận thức, tư duy kinh tế, cách ứng xử trong môi trường kinh doanh hiện đại theo quan điểm marketing.

Giúp cho người học có khả năng tiếp cận và phân tích các hoạt động marketing đang diễn ra trên thị trường và qua đó vận dụng kiến thức thực tiễn vào kinh doanh.

9.23. Nguyên lý kế toán /Accounting principles **3 TC (27; 36; 0)**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lê nin

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình tổ chức thu thập, ghi chép số liệu kế toán. Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

9.24. Luật kinh tế /Economic law **3 TC (27; 36; 0)**

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản về: Những quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Địa vị pháp lý của các doanh nghiệp; Hành vi, phương thức thực hiện và các chế tài đối với hành vi kinh doanh; Quy định về sử dụng lao động trong kinh doanh; Các quy định về hợp đồng kinh tế; Tranh chấp kinh tế và giải quyết các tranh chấp trong hoạt động kinh doanh; Phá sản doanh nghiệp.

9.25. Nguyên lý thống kê / Principle of statistics **2 TC (18; 24; 0)**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô.

Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê, hình thức thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán mức độ hiện tượng trong tương lai. Vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội. Cung cấp dữ liệu cần thiết, làm cơ sở cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô.

9.26. Quản trị học /Management **3 TC (27; 36; 0)**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị tổ chức cũng như các chức năng của quản trị tổ chức bao gồm: Định nghĩa quản trị, tổ chức, nhà quản trị, nhà kinh doanh; Môi trường quản trị, lịch sử hình thành và phát triển các lý thuyết quản trị; Hệ thống thông tin và ra quyết định của nhà quản trị; đặc biệt đi sâu vào 4 chức năng quản trị: Hoạch định, Tổ chức, Lãnh đạo và Kiểm tra

9.27. Quản trị chiến lược /Strategycal management 3 TC (27; 36; 0)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về Quản trị chiến lược và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh bao gồm: Tổng quan về chiến lược và quản trị chiến lược, Nhiệm vụ và Mục tiêu chiến lược kinh doanh; Phân tích đánh giá môi trường kinh doanh tác động các cơ hội và kinh doanh; Phân tích đánh giá môi trường nội bộ doanh nghiệp, xác định các điểm mạnh và yếu; Xây dựng lợi thế cạnh tranh; Chiến lược cấp doanh nghiệp; Chiến lược kinh doanh; Chiến lược chức năng; Phân tích và lựa chọn chiến lược; Tổ chức thực hiện chiến lược; Hệ thống kiểm soát chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược; Thực hiện thay đổi chiến lược chính trị quyền lực và các mâu thuẫn.

9.28. Quản trị tài chính /Financial management 3 TC (27; 36; 0)

Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị vốn của doanh nghiệp; Chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp; Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp; Nguồn tài trợ của doanh nghiệp: nguồn tài trợ ngắn hạn và dài hạn; Cơ cấu vốn và chi phí sử dụng vốn; KHH tài chính doanh nghiệp.

9.29. Quản trị nhân lực /Human management 3 TC (27; 36; 0)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Khái niệm về nhân lực, quản trị nhân lực; Bộ máy quản trị nhân lực; Hợp đồng lao động trong doanh nghiệp; Tuyển chọn nhân lực; Tổ chức lao động khoa học; Thuyên chuyển, đề bạt, đào tạo và kỷ luật lao động trong doanh nghiệp; Kế hoạch nguồn nhân lực và hệ thống thông tin quản trị nhân lực trong doanh nghiệp. Chế độ tiền lương và tiền thưởng trong doanh nghiệp.

9.30. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Hệ thống thông tin quản lý /Management system 2 TC (18; 24; 0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô

Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng về hệ thống thông tin quản lý như một trong các chức năng quan trọng nhất tạo nên sự thành công của mọi tổ chức và doanh nghiệp. Nội dung bao gồm những khái niệm cơ sở của hệ thống thông tin, các yếu tố cấu thành, vai trò, vị trí và tầm quan trọng của nó trong doanh nghiệp; Những cách thức trợ giúp

hoạt động kinh doanh, trợ giúp ra quyết định và tạo lợi thế cạnh tranh; Quy trình tổ chức và phương pháp tiến hành giải quyết những vấn đề kinh doanh bằng hệ thống thông tin dựa trên cơ sở công nghệ thông tin.

b. Kinh tế phát triển /Development economics **2 TC (18; 24; 0)**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô

Học phần kinh tế phát triển nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức mang tính tổng hợp về kinh tế học phát triển. Trong đó, học phần sẽ tập trung vào các vấn đề chủ yếu như: Giới thiệu tổng quan về tăng trưởng và phát triển, đặc biệt đi sâu vào các nước đang phát triển, các mô hình tăng trưởng kinh tế; Lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và Các mô hình lý thuyết và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế; Phúc lợi cho con người trong phát triển kinh tế; Các nguồn lực của tăng trưởng kinh; Ngoại thương với phát triển kinh tế.

9.31. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Kinh tế đầu tư/Investment economics **2 TC (18; 24; 0)**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đầu tư, đầu tư phát triển, công tác quản lý và kế hoạch hoá hoạt động đầu tư, kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển. Với những kiến thức này, người học sẽ hiểu hơn về hoạt động đầu tư cũng như các công tác liên quan đến đầu tư của các cấp, các ngành, địa phương. Đồng thời, học phần còn giúp sinh viên nắm bắt những kiến thức cơ bản nhất về các công tác lập dự án đầu tư; thẩm định dự án đầu tư; đấu thầu trong các dự án đầu tư.

b. Kinh tế lao động /Labour economics **2 TC (18; 24; 0)**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô

Nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lao động và nguồn lao động, các vấn đề cung, cầu, giá cả sức lao động, cạnh tranh trên thị trường lao động. Với các kiến thức này người học có thể hiểu được, phân tích và dự báo sự biến động và lao động trên thị trường thông qua mô hình kinh tế học cơ bản.

Những kiến thức cơ bản về vấn đề năng suất lao động, việc làm và thất nghiệp; Về tiền lương, một số phương pháp tính lương. Từ đó giúp người học hiểu và biết cách tính lương trong thực tiễn, đồng thời có thể nhìn nhận và đánh giá vấn đề thực tiễn một cách khoa học hơn.

9.32. Quản trị doanh nghiệp /Enterprise management **3 TC (27; 36; 0)**

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về quản trị doanh nghiệp. Trên cơ sở lý luận đó giúp cho sinh viên có thể quản trị điều hành một doanh nghiệp hoặc có thể tác nghiệp các chức năng của quản trị doanh nghiệp

9.33. Quản trị sản xuất /Productive management **2 TC (18;24;0)**

Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm, lựa chọn sản phẩm và công suất; xác định vị trí cho doanh nghiệp; hoạch định tổng hợp; lập lịch trình sản xuất, quản trị hàng tồn kho trong doanh nghiệp.

9.34. Quản lý chất lượng /Quality management **3 TC (27; 36; 0)**

Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

Học phần Quản lý chất lượng được chia thành 9 chương, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, tổng quát, mới về quản lý chất lượng trong các doanh nghiệp như chi phí chất lượng, quản lý chất lượng dịch vụ, đảm bảo và cải tiến chất lượng, cụ thể quản lý chất lượng, tiêu chuẩn hóa và đo lường chất lượng, kiểm tra chất lượng sản phẩm, ..., đồng thời cũng giới thiệu cho sinh viên những hệ thống quản lý chất lượng đã và đang được áp dụng phổ biến tại Việt Nam như hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000, hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM..

9.35. Quản trị Marketing /Marketing management **3 TC (27; 36; 0)**

Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

Quản trị marketing là một lĩnh vực cơ bản trong các lĩnh vực quản trị doanh nghiệp trong điều kiện kinh doanh hiện đại. Học phần này giúp cho sinh viên xây dựng, nhận thức tư duy mới, cách ứng xử trong môi trường kinh doanh hiện đại theo quan điểm quản trị marketing. Giúp người học có khả năng tiếp cận và phân tích các hoạt động quản trị marketing đang diễn ra trên thị trường và qua đó vận dụng kiến thức vào thực tiễn kinh doanh.

9.36. Phân tích hoạt động kinh doanh /Business analysis **2 TC (18; 24; 0)**

Điều kiện tiên quyết: Quản trị tài chính

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về vai trò, chức năng của phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các phương pháp phân tích và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh doanh nghiệp. Các kỹ thuật phân tích cụ thể về chỉ tiêu hiệu quả sản xuất, tình hình sử dụng các yếu tố của quá trình sản xuất, tình hình sử dụng chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp. Lượng hoá các nhân tố và xác định các nguyên nhân ảnh hưởng, đề xuất các biện pháp để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong doanh nghiệp.

9.37. Hành vi người tiêu dùng /Customer Behavior **2 TC (18; 24; 0)**

Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hành vi người tiêu dùng, khả năng nghiên cứu hành vi người tiêu dùng phục vụ cho các quyết định Marketing. Nội dung môn

học tập trung vào nghiên cứu các giai đoạn trong quá trình mua của người tiêu dùng cá nhân; phân tích các nhóm nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng cá nhân bao gồm các nhóm nhân tố: văn hoá, xã hội, tâm lý và cá nhân; Phân tích một số mô hình hành vi mua và ứng dụng của chúng trong nghiên cứu hành vi tiêu dùng.

9.38. Quản trị kinh doanh quốc tế / Internatinal Business and Administration

2 TC (18; 24; 0)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

Học phần được chia thành 8 chương, nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản nhất của công tác Quản trị kinh doanh quốc tế trong các doanh nghiệp như môi trường kinh doanh, chiến lược kinh doanh, cấu trúc tổ chức, văn hóa trong kinh doanh quốc tế, thương mại và đầu tư quốc tế, toàn cầu hóađồng thời cũng giới thiệu cho sinh viên thấy được tầm quan trọng của hoạt động kinh doanh quốc tế trên thị trường hiện nay.

9.39. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Quản trị cung ứng /Supplying management

2 TC (18; 24; 0)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

Người học được rèn luyện và hình thành các kỹ năng cơ bản về quản trị cung ứng; giúp người học có khả năng tiếp cận và phân tích các hoạt động cung ứng trong tổ chức, vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá về hoạt động quản trị cung ứng của tổ chức từ đó rút ra bài học cho bản thân.

b. Quản trị DN thương mại / Commercial Enterprise management

2 TC (18;24;0)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp thương mại như: vai trò củ kinh doanh thương mại, tổ chức bộ máy, chiến lược kinh doanh, thị trường. Đi sâu nghiên cứu các nghiệp vụ kinh doanh của doanh nghiệp thương mại, quản trị lao động, vốn, chi phí kinh doanh.

9.40. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Thống kê doanh nghiệp /Enterprise statistics

2 TC (18 ;24 ;0)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thống kê

Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thu thập, xử lý, tổng hợp các thông tin số liệu có liên quan đến quá trình tái sản xuất của đơn vị; tính toán các chỉ tiêu phản ánh kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị, làm cơ sở cho việc dự báo khả năng phát triển và xây dựng chiến lược sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp.

b. Bảo hiểm trong doanh nghiệp /Corporate insurance 2 TC (18;24;0)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Bảo hiểm; Bảo hiểm cho người lao động; Bảo hiểm tài sản trong doanh nghiệp; Bảo hiểm vận tải hàng hoá; Bảo hiểm hỏa hoạn. Hợp đồng bảo hiểm.

9.41. Kinh tế quốc tế /International economics 2 TC (18 ;24 ;0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản có tính quy luật về sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các nước; Xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế và các vấn đề mang tính chất toàn cầu; Nghiên cứu các mô hình trao đổi ngoại thương; Sự trao đổi hàng hóa và dịch vụ; sự di chuyển lao động quốc tế và đầu tư quốc tế; cán cân thanh toán quốc tế và tỷ giá hối đoái; liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.

9.42. Kế toán quản trị chi phí /Cost Management accounting

3 TC (27;36;0)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán.

Học phần cung cấp những thông tin cơ bản có liên quan đến việc ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí và dự toán chi phí cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí kinh doanh.

9.43. Tài chính tiền tệ /Monetary finance

3 TC (27;36;0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Học phần cung cấp những kiến thức về tài chính, tiền tệ và ngân hàng như: Lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; lý luận cơ bản về tiền tệ; Bao gồm những nội dung cơ bản về các khâu trong hệ thống tài chínhNXB tài chính công (NSNN), tài chính doanh nghiệp, các định chế tài chính trung gian, thị trường tài chính, ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương,

9.44. Kinh tế các ngành / Economics of Sectors

2 TC (18;24;0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô

Học phần giới thiệu tổng quan về các ngành trong nền kinh tế quốc dân, bao gồm: Đặc điểm, vai trò của các ngành, cơ cấu và sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế trong các ngành, mục tiêu và các phương hướng phát triển các ngành trong nền kinh tế của Đảng và Nhà nước. Học phần giới thiệu về đặc điểm và vai trò của các nguồn lực (vốn, lao động, công nghệ, tài nguyên môi trường) trong việc phát triển kinh tế. Giới thiệu 1 số hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh. Cung cấp cho sinh viên một số phương pháp xét hiệu quả kinh tế trong việc lựa chọn phương án đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh.

9.45. Lập và phân tích dự án đầu tư /Planning and analyzing project

2 TC (18;24;0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của công tác lập dự án theo nghị định 12 bao gồm: phân tích sự cần thiết và mục tiêu đầu tư; đánh giá nhu cầu thị trường, tiêu thụ sản phẩm đối với dự án sản xuất kinh doanh; tác động xã hội đối với địa phương, khu vực; hình thức đầu tư xây dựng công trình; Các giải pháp thực hiện công trình; đánh giá tác động môi trường, phương án hoàn trả vốn đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn, phân tích hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế xã hội của dự án. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản nhất về công tác quản lý dự án đầu tư đặc biệt công tác quản lý tiến độ dự án.

9.46. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Văn hoá doanh nghiệp /Enterprise culture

2 TC (18; 24; 0)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

Học phần này nhằm trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh và những kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng và phát triển các kiến thức về văn hóa kinh doanh trong hoạt động kinh tế, kinh doanh.

b. Kinh tế môi trường /Environmental economics

2 TC (18;24;0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô.

Những kiến thức cơ bản về môi trường và phát triển như: môi trường nói chung, môi trường sống, vai trò của môi trường đối với con người. Mối quan hệ tương tác giữa kinh tế và môi trường. Kinh tế tài nguyên, sự biến đổi môi trường. Phát triển bền vững, mối quan hệ giữa môi trường và phát triển, nội dung và nguyên tắc phát triển xã hội bền vững.

Các phương pháp cơ bản để đánh giá tác động của hoạt động sản xuất kinh doanh tới môi trường thông qua các chỉ tiêu NPV, Tỷ suất lợi ích - chi phí (B/C).

Các nguồn tài nguyên tái sinh và không tái sinh; Vấn đề về quản lý môi trường và vai trò của Nhà nước trong quản lý môi trường.

9.47. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Thuế /Tax

2 TC (18;24;0)

Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về thuế, về vai trò của thuế tới nền kinh tế - xã hội, về phân loại thuế, các tiêu chuẩn xây dựng hệ thống thuế và các yếu tố cấu thành một sắc thuế. Trên cơ sở những lý luận chung về thuế, học phần đi sâu

nghiên cứu những vấn đề cơ bản và nội dung của một số sắc thuế chủ yếu hiện hành ở Việt Nam bao gồm: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân.

b. Thị trường chứng khoán /Stock market

2 TC (18 ;24 ;0)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị tài chính

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản có tính hệ thống về chứng khoán và hoạt động của thị trường chứng khoán, giúp người học hiểu bản chất của chứng khoán, hoạt động của thị trường chứng khoán: phương thức phát hành chứng khoán trên thị trường chứng khoán sơ cấp; tổ chức thị trường và hoạt động cơ bản trên thị trường chứng khoán thứ cấp; Có kiến thức cơ bản để phân tích chứng khoán và đầu tư chứng khoán; phân tích được hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán. Hiểu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán.

9.48. ThỰC TẬP TỐT NGHIỆP /Final practice

5 TC (0;0;150)

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành tất cả các học phần ở khối lượng kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp

Giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào thực tế trong doanh nghiệp như: quản trị nhân sự, tổ chức tiêu thụ sản phẩm, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản trị hàng tồn kho, marketing....

Kết thúc thực tập sinh viên thực tập thực hiện chuyên đề và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và được giảng viên hướng dẫn đánh giá.

9.49. Khoá luận tốt nghiệp /Thesis

6 TC (54;72;0)

Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp

a. Quản trị bán hàng /Sales management

3 TC (27;36;0)

Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

Học phần cung cấp những nội dung khái quát về nhân viên bán hàng và nhà quản trị bán hàng, và đi sâu vào các kỹ năng quan trọng đối với nhà quản trị bán hàng như: lãnh đạo, dự báo bán hàng, quản lý năng suất của khu vực bán hàng. Đồng thời nghiên cứu quá trình xây dựng đội ngũ bán hàng, động viên và quản trị lực lượng bán hàng; nhu cầu của khách hàng và các kỹ thuật bán hàng.

b. Khởi sự doanh nghiệp /Business Initiation

3 TC (27;36;0)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

Trang bị cho sinh viên các kỹ năng cụ thể về môi trường kinh doanh và ngành nghề kinh doanh, kỹ năng hình thành ý tưởng kinh doanh, kỹ năng xây dựng kế hoạch kinh doanh và kỹ năng triển khai các công việc cụ thể để khởi sự kinh doanh.

10. Danh sách bộ môn tham gia thực hiện chương trình

STT	Tên học phần	Bộ môn
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin 1	Nguyên lý
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin 2	Nguyên lý
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TT-PL
4	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối
5	Tiếng Anh 1	NN K. chuyên
6	Tiếng Anh 2	NN K. chuyên
7	Tiếng Anh 3	NN K. chuyên
8	Tiếng Anh 4	NN K. chuyên
9	Giáo dục thể chất	K.GDTC
10	Giáo dục quốc phòng	TT.GDQP
11	Toán cao cấp	Giải tích
12	Lý thuyết XS và thống kê toán	Toán ứng dụng
13	Tin học	Tin ứng dụng
14	Pháp luật đại cương	Tư tưởng -PL
15	Lý thuyết mô hình toán kinh tế	BM Kinh tế
16	Lịch sử kinh tế quốc dân	BM Kinh tế
17	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	NN và PPDH
18	Xã hội học đại cương	NN và PPDH
19	Tâm lý học quản lý kinh doanh	Tâm lý GD
20	Logic học đại cương	Nguyên lý
21	Địa lý kinh tế Việt Nam	Địa lý
22	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Nguyên lý
23	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Văn học VN
24	Kinh tế vi mô	BM Kinh tế
25	Kinh tế vĩ mô	BM Kinh tế
26	Kinh tế lượng	BM Kinh tế
27	Marketing căn bản	BM. QTKD
28	Nguyên lý kế toán	BM Kế toán
29	Luật kinh tế	Tư tưởng -PL
30	Nguyên lý thống kê	BM TC-TK
31	Quản trị học	BM. QTKD
32	Quản trị chiến lược	BM. QTKD
33	Quản trị tài chính	BM TC-TK
34	Quản trị nhân lực	BM. QTKD
35	Hệ thống thông tin quản lý	Các HTTT
36	Kinh tế phát triển	BM Kinh tế
37	Kinh tế đầu tư	BM Kinh tế

38	Kinh tế lao động	BM Kinh tế
39	Quản trị doanh nghiệp	BM. QTKD
40	Quản trị sản xuất	BM. QTKD
41	Quản lý chất lượng	BM. QTKD
42	Quản trị Marketing	BM. QTKD
43	Phân tích hoạt động kinh doanh	BM KT-KT
44	Hành vi người tiêu dùng	BM. QTKD
45	Quản trị KD quốc tế	BM. QTKD
46	Quản trị cung ứng	BM. QTKD
47	Quản trị DN thương mại	BM. QTKD
48	Thống kê doanh nghiệp	BM TC-TK
49	Bảo hiểm trong DN	BM. QTKD
50	Kinh tế quốc tế	BM Kinh tế
51	Kế toán quản trị chi phí	BM.Kế toán
52	Tài chính tiền tệ	BM TC-TK
53	Kinh tế các ngành	BM Kinh tế
54	Lập và phân tích dự án đầu tư	BM Kinh tế
55	Văn hoá doanh nghiệp	BM. QTKD
56	Kinh tế môi trường	BM Kinh tế
57	Thuế	BM TC-TK
58	Thị trường chứng khoán	BM TC-TK
59	Quản trị bán hàng	BM. QTKD
60	Khởi sự doanh nghiệp	BM. QTKD

11. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập

11.1. Hệ thống tư liệu, thư viện, mạng Internet:

Trung tâm Thông tin tư liệu thư viện Trường Đại học Hồng Đức cần có sách, báo, tạp chí chuyên ngành và các lĩnh vực có liên quan đủ để đáp ứng nhu cầu về tài liệu tham khảo cho giảng viên và sinh viên.

Ngoài ra, để có thể truy cập tìm kiếm thêm thông tin, tài liệu phục vụ cho quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học thông qua hệ thống mạng nội bộ, mạng Internet cần được trang bị và kết nối đến tận các khoa chuyên môn, phòng ban trong toàn trường.

11.2. Cơ sở thực hành, thực tập

Xây dựng các điểm liên kết đào tạo giữa trường Đại học Hồng Đức với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sản xuất trong và tỉnh nhằm tạo địa bàn thực hành, thực tập, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ phục sản xuất, đời sống.

11.3. Danh mục các giáo trình và tài liệu tham khảo

TT	Học phần	Tài liệu chính	Tài liệu tham khảo
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	1. Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin/ Bộ GD&ĐT, NXB Chính trị Quốc gia, 2008	1. Nguyễn Hữu Vui, Giáo trình triết học Mác - Lênin/ Nguyễn Hữu Vui, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2003
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	1. Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin/ Bộ GD&ĐT, NXB Chính trị Quốc gia, 2008 2. Nguyễn Văn Hảo, Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin: Dành cho các khối ngành không chuyên kinh tế-quản trị kinh doanh trong các trường Đại học-Cao đẳng/ Nguyễn Văn Hảo, Nguyễn Đình Kháng, Lê Danh Tồn NXB CTQG; 2007.	1. Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học : Dành trong các trường ĐH,CĐ/ Bộ giáo dục đào tạo, NXB CTQG, 2006 2. Phan Công Nghĩa, Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin/ Phan Công Nghĩa, NXB KTQD, 2008.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1. Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, Dành trong các trường đại học ,cao đẳng / Mạch Quang Thắng NXB CTQG, 2005	Nguyễn Viết Thông, Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh : Dành cho sinh viên CĐ,ĐH khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng HCM/ Nguyễn Viết Thông,Bành Tiến Long NXB CTQG, 2009
4	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	1. Giáo trình đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt nam/ Bộ GD&ĐT, NXB GD, 2008 2. Giáo trình lịch sử đảng cộng sản Việt Nam: Dành cho các trường đại học ,cao đẳng/ Bộ giáo dục và	1. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam/ Phan Công Nghĩa NXB KTQD, 2008 2. Văn kiện Đảng toàn tập/ Tập thể NXB CTQG, 1998

		đào tạo, NXB CTQG, 2006	
5	Tiếng Anh 1	<p>1. Anne Taylor, Casev Malarcher (2007). Starter TOEIC (third edition). Nhà xuất bản trẻ.</p> <p>2. Lin Lougheed. Longman Preparation Series for new TOEIC Test Introductory Course (fourth edition).</p> <p>3. Therese Naber, Angela Blackwell, David McKeegan (2004). Know how Book 2. Oxford University Press.</p>	<p>1. Anne Taylor, Garrett Byrne. Beginning TOEIC Test-taking skills: Very easy TOEIC (second edition). Nhà xuất bản trẻ.</p> <p>2. Anne Taylor. Target TOEIC (second edition). Nhà xuất bản trẻ.</p> <p>3. Paul Edmund, Anne Taylor. Developing Skills for the TOEIC Test. Nhà xuất bản trẻ.</p>
6	Tiếng Anh 2	<p>1. Lin Lougheed. Longman Preparation Series for new TOEIC Test Pre-intermediate Course (fourth edition).</p> <p>2. Therese Naber, Angela Blackwell, David McKeegan (2004). Know how Book 3. Oxford University Press.</p>	<p>1. Anne Taylor. TOEIC Analyst (second edition). Nhà xuất bản trẻ.</p> <p>2. Anne Taylor. Target TOEIC (second edition). Nhà xuất bản trẻ.</p>
7	Tiếng Anh 3	<p>1. Leo Lones (2000). Lets talk 1-second edition. Cambridge University Press.</p> <p>2. Keil J.Anderson (1996). Active Skills for Reading/Book 2, Heine and Heine.</p> <p>3. Dorothy E. Zenmark & Lisa A. Rumisek. From paragraph to essay. Nhà xuất bản Đại học quốc gia.</p>	<p>1. Lin Lougheed. Longman Preparation Series for new TOEIC Test Intermediate Course (fourth edition).</p> <p>2. Anne Taylor. Intensive Toeic Reading. Nhà xuất bản trẻ.</p> <p>3. Anne Taylor. Intensive Toeic Listening. Nhà xuất bản trẻ.</p>

8	Tiếng Anh 4	<p>1. Darakwon. TNT Actual Test Toeic. Nhà xuất bản trẻ.</p> <p>2. Paul Edmund. New Longman Real Toeic Full Actual Tests. Nhà xuất bản trẻ.</p>	<p>1. Darakwon. Gorilla Toeic Actual Tests. Nhà xuất bản trẻ.</p> <p>2. Anne Taylor. Hackers New Toeic Actual Tests. Nhà xuất bản trẻ.</p>
9	Tin học	<p>1. Hồ Sĩ Đàm, Đào Kiến Quốc, Hồ Đắc Phương - Giáo trình tin học cơ sở - NXB Đại học sư phạm, năm 2004.</p> <p>2. Bùi Thế Tâm - Giáo trình tin học văn phòng, NXB Giao thông vận tải năm 2008</p>	Khoa kỹ thuật công nghệ - Bài tập thực hành tin học đại cương
10	Pháp luật đại cương	1. Lê Minh Toàn, Pháp luật đại cương NXB CTQG, 2008	Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (chủ biên), “ <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i> ”, Nxb Công an nhân dân, 2011.
11	Lý thuyết mô hình toán kinh tế	1. Giáo trình lý thuyết mô hình toán kinh tế, PGS.TS Hoàng Đình Tuấn, KTQD, 2007	<p>1. Lê Đình Thuý-Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, Phần 1: Đại số tuyến tính / Lê Đình Thuý, ĐHKTQD phần 1 2008, P2 2007</p> <p>2. Giáo trình mô hình toán kinh tế, PGS.TS Nguyễn Quang Dong, Ngô Văn Thứ, PGS.TS Hoàng Đình Tuấn, nxb Thống Kê, 2006</p> <p>3. PGS. TS Nguyễn Văn Dân, Kinh tế học vi mô,</p>

			NXB Đại học KTQD năm 2009.
12	Lịch sử kinh tế quốc dân	1/ GS. TS Nguyễn Trí Dĩnh và PGS. TS Phạm Thị Quý, Giáo trình Lịch sử kinh tế, NXB ĐH KTQD, năm 2008.	1/ Vũ Văn Phúc, Giáo trình Lịch sử kinh tế quốc dân, NXB Chính trị quốc gia năm 2007.
13	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	1. Vương Thị Kim Thanh -Kỹ thuật soạn thảo và trình bày văn bản - NXB Thống kê - Năm 2005. 2. Lưu Kiếm Thanh Kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản - NXB ĐHQG Hà nội - 2005	
14	Xã hội học đại cương	1. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng, <i>Xã hội học</i> -NXBĐHQG HN -2001	1. Lê Ngọc Hùng, <i>Lý thuyết và lịch sử xã hội học</i> -NXBĐHQG – 2001 2. Nguyễn Sinh Huy, <i>Xã hội học đại cương</i> – NXBĐHQG – 1998 3. G. Endruwei.... Từ điển Xã hội học – NXB Thế giới – 2001
15	Tâm lý học quản lý kinh doanh	1. Nguyễn Hữu Thụ: Tâm lý học quản lý kinh doanh. NXB ĐH Quốc gia, năm 2009. 2. Nguyễn Bá Dương: Giáo trình tâm lý học kinh doanh, NXB Thống kê, năm 2007.	1. TS Nguyễn Đức Lợi. Tâm lý học quản trị kinh doanh, NXB Tài chính, Hà Nội 2009 2. Nguyễn Đình Xuân. Tâm lý học quản trị kinh doanh, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996
16	Logic học đại	Vương Tất Đạt - Tô Duy Hợp -	

	ương	Logic học đại cương -CTQG-2003	
17	Địa lý kinh tế Việt Nam	1) Lê Thông, <i>Giáo trình địa lý kinh tế xã hội Việt Nam</i> , NXB SP, HN 2002 2) Đỗ Thị Minh Đức, <i>Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam</i> , Nxb Đại học sư phạm Hà Nội, 2009	1) Nguyễn Viết Thịnh (chủ biên): <i>Giáo trình địa lý kinh tế xã hội Việt Nam</i> . Phần khái quát, NXBGD, HN 2000 2) Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên): <i>Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam</i> , NXBGD, 2009 3) Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ: <i>Dân số học và Địa lý dân cư</i> , NXB ĐHSP Hà Nội, 1995 4) Tổng cục thống kê: <i>Niên giám thống kê các năm</i> . 5) Mạng Internet: trang website: - http://www.google.com.vn - http://www.gso.gov.vn
18	Lịch sử các học thuyết kinh tế	<i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế - ĐH KTQD - NXB ĐHKQTĐ -2005</i>	
19	Cơ sở văn hoá Việt Nam	1. Trần Ngọc Thêm - <i>Cơ sở văn hoá Việt nam</i> - NXBGD-1997 2. Ngô Xuân Sao, Mai Hồng Hải - <i>Bài giảng</i> - 2008	
20	Kinh tế vi mô	1/ PGS. TS Nguyễn Văn Dân, <i>Kinh tế học vi mô</i> , NXB Tài chính năm 2009.	1/ TS. Phạm Văn Minh, <i>Bài tập Kinh tế vi mô</i> , NXB Lao động xã hội năm 2004. 2/ PGS.TS Vũ Kim Dũng và PGS.TS Phạm Văn Minh,

			Ngân hàng câu hỏi kinh tế vi mô, NXB Đại học KTQD năm 2008.
21	Kinh tế vĩ mô	1/ PGS. TS Nguyễn Văn Dân, Kinh tế học vĩ mô, NXB Tài chính, 2009. 2/ Nguyễn Văn Ngọc Bài giảng kinh tế vĩ mô NXB ĐH KTQD Năm 2007	3/ Nguyễn Văn Ngọc, PGS.TS Hoàng Yến Hương dẫn giải bài tập kinh tế vĩ mô NXB ĐHKQTĐ- Năm 2007
22	Kinh tế lượng	1. Bài giảng kinh tế lượng, PGS.TS Nguyễn Quang Đông, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2006	1/ Giáo trình lý thuyết xác suất và thống kê toán, PGS.TS Nguyễn Cao Văn (CB) Thống kê toán, 2005 2. PGS. TS Nguyễn Văn Dân, Kinh tế học vi mô, NXB Đại học KTQD năm 2009. 3. Nguyễn Văn Ngọc (ĐHKQTĐ)- Bài giảng kinh tế vĩ mô/ Nguyễn Văn Ngọc (ĐHKQTĐ)
23	Marketing căn bản	1. Trần Minh Đạo (2006), Marketing căn bản, Nxb Đại học KTQD	1. ThS Quách Thị Bửu Châu, Marketing căn bản, Nxb Thống Kê 2. Philip Kotler (2006), Marketing căn bản, Nxb Thống kê
24	Nguyên lý kế toán	1. GS, TS. Đoàn Xuân Tiên, TS Lê Văn Liên, Ths. Nguyễn Thị Hồng Vân, <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i> , NXB Tài chính, 2009	1. Bộ Tài Chính, <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i> , Bộ tài chính, 2015 2. TS. Trần Quý Liên - TS. Trần Văn Thuận - TS. Phạm

			Thành Long, <i>Nguyên lý kế toán</i> , NXB Thống kê, 2009
25	Luật kinh tế	TS Nguyễn Viết Tý - GT luật thương mại – NXB CAND, 2008	
26	Nguyên lý thống kê	1. Giáo trình lý thuyết thống kê / Trần Ngọc Phác, NXB Thống kê, 2006	1. Nguyễn Thị Kim Thúy, <i>Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ</i> , NXB Thống kê, 2009. 2. Lê Đình Thúy: Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, Phần 1: Đại số tuyến tính / Lê Đình Thúy, ĐHKQTĐ phần 1 2008, P2 2007
27	Quản trị học	1. Nguyễn Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà (2011), Quản trị học; NXB Đại học KTQD	1. TS. Nguyễn Thanh Hội, TS Phan Thăng (2011), Quản trị học, NXB Hồng Đức. 2. Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh (2011), Quản trị học nxb VHVN.
28	Quản trị chiến lược	1. Ngô Kim Thanh, Lê Văn Tâm (2009), Giáo trình Quản trị chiến lược; NXB Đại học KTQD.	1. Ngô Kim Thanh (2011), Bài tập quản trị Chiến lược, NXB Đại học KTQD
29	Quản trị tài chính	1. Nguyễn Đình Kiệm- Bạch Đức Hiền; Giáo trình tài chính doanh nghiệp NXB Tài chính. 2008 2. Bùi Văn Vân (2009), <i>Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp</i> , NXB Tài chính.	1. Lưu Thị Hương (2009), Tài chính doanh nghiệp/ Lưu Thị Hương, Vũ Duy Hào; NXB ĐHKQTĐ.
30	Quản trị nhân	1. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Vân	1. Trần Kim Dung (2011),

	lực	Điềm (2007), Giáo trình quản trị nhân lực, NXB ĐHKQTĐ	Quản trị nguồn nhân lực, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh
31	Hệ thống thông tin quản lý	1/ PGS- TS Hàn Viết Thuận GT Hệ Thống Thông Tin Quản lý - NXB Đại học KTQD Năm 2008	1/ TS Trương Văn Tú - TS Trần Thị Song Minh GT Hệ Thống Thông Tin Quản lý - NXB Đại học KTQD Năm 2000
32	Kinh tế phát triển	1/ GS.TS Phạm Ngọc Linh và TS Nguyễn Thị Kim Dung - Giáo trình Kinh tế phát triển - Nhà xuất bản ĐHKQTĐ - Năm 2011.	2/ TS Phạm Ngọc Linh và TS Nguyễn Thị Kim Dung - Giáo trình Kinh tế phát triển - Nhà xuất bản ĐHKQTĐ - Năm 2008
33	Kinh tế đầu tư	1/ PGS.TS Nguyễn Thị Bạch Nguyệt, Giáo trình Kinh tế đầu tư, NXB ĐH KTQD, 2010.	2/ PGS.TS Nguyễn Thị Bạch Nguyệt, Giáo trình lập dự án đầu tư, NXB đại học KTQD, 2008.
34	Kinh tế lao động	1/ Trần Xuân Cầu, Mai Quốc Chánh, Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực, NXB ĐH KTQD, 2009	2/ Trần Xuân Cầu, Mai Quốc Chánh, Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực, NXB ĐH KTQD, 2008
35	Quản trị doanh nghiệp	1. Ngô Kim Thanh (2009), Giáo trình Quản trị doanh nghiệp, Nxb KTQD.	1/ PGS.TS Đồng Thị Thanh Phương, ThS Nguyễn Đình Hòa, ThS Trần Thị Ý Nhi. Giáo trình Quản trị doanh nghiệp - NXB: Thống kê 2008.
36	Quản trị sản xuất	1. Đồng Thị Thanh Phương (2011) Quản trị sản xuất và dịch vụ (Lý thuyết và bài tập), nxb Lao động Xã	1. Trần Đức Lộc (2009) Bài tập QTSX và tác nghiệp, NXB Tài Chính.

		hội	2. Nguyễn Đình Trung (2009)- Bài tập QTSX và tác nghiệp, NXB ĐH KTQD.
37	Quản lý chất lượng	1. GS. Nguyễn Đình Phan (2002), Quản trị chất lượng trong các tổ chức, NXB Giáo dục.	1.Đỗ Thị Đông (2008) – Bài tập QT chất lượng, NXB Kinh tế Quốc dân
38	Quản trị Marketing	1. Trương Đình Chiến (2011), Quản trị Marketing; NXB ĐHKQTĐ	1. Philip Kotler (2006), Quản trị Marketing, Nxb Thống kê
39	Phân tích hoạt động kinh doanh	1. GVC. Nguyễn Thị My, TS. Phan Đức Dũng, Phân tích hoạt động kinh doanh (Lý thuyết, Bài tập và Bài giải), NXB T kê, 2009	1. Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương, <i>Phân tích hoạt động kinh doanh</i> , NXB Lao động- Xã hội, 2007
40	Quản trị cung ứng	1. Nguyễn thành Hiếu (2010), Quản trị chuỗi cung ứng, nxb ĐHKQTĐ	1.Shoshanah Cohen, Joseph Roussel, Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng - 5 nguyên tắc đạt hiệu quả tốt nhất, nxb Lao động Xã hội
41	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1. PGS, TS Hoàng Minh Đường, TS Nguyễn Thừa Lộc, Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại tập 1, Nxb Lao động –Xã hội, 2005 2. PGS, TS Hoàng Minh Đường, TS Nguyễn Thừa Lộc, Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại tập 2, Nxb Lao động –Xã hội, 2005	1.Ngô Kim Thanh (2009), Giáo trình Quản trị doanh nghiệp, NXB Đại học KTQD
42	Thống kê doanh nghiệp	1. Giáo trình thống kê doanh nghiệp, GS.TS Phạm Ngọc Kiểm, TS. Bùi Đức Triệu, PGS.TS Nguyễn Công Nhự, NXB Thống Kê, 2009	1. Giáo trình lý thuyết thống kê / Trần Ngọc Phác NXB Thống kê, 2006 2. TS Nguyễn Hữu Ngoan,Ngô Dũng Tiến- Giáo

			trình thống kê nông nghiệp/ NXB NN, 2005 3. Chu Văn Tuấn, Giáo trình thống kê doanh nghiệp, NXB Tài chính, 2010
43	Bảo hiểm trong DN	1/ Giáo trình Quản trị kinh doanh bảo hiểm, Nguyễn Văn Định. 2009	1/ Giáo trình kinh tế bảo hiểm biên soạn Nguyễn Văn Định NXB Viện Đại Học Mở Hà Nội năm 2011. 2/ Luật BHXH Năm 2006.
44	Kinh tế quốc tế	1/ Đỗ Đức Bình & Nguyễn Thường Lạng - Giáo trình Kinh tế quốc tế, NXB ĐHKQTĐ, Năm 2008	2/ GS.TS. Hoàng Thị Chinh - Bài tập Kinh tế quốc tế - NXB Thống kê - Năm 2008
45	Kế toán quản trị chi phí	1. Đoàn Xuân Tiên, <i>Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp</i> , NXB Tài chính, 2009	1. Bộ Tài Chính, <i>26 chuẩn mục kế toán Việt Nam</i> , Bộ tài chính, 2015 2. PGS.TS Phạm Văn Dục, Đặng Kim Cương, <i>Kế toán Quản trị lý thuyết và bài tập</i> , NXB Thống kê, 2010
46	Tài chính tiền tệ	1 Nguyễn Hữu Tài (2007); <i>Giáo trình lý thuyết tài chính - tiền tệ</i> ; NXB, ĐHKQTĐ	1. Phạm Ngọc Dũng, Đinh Xuân Hạng (2011); <i>Giáo trình tài chính tiền tệ</i> ; NXB Tài chính.
47	Kinh tế các ngành	1/ Giáo trình kinh tế các ngành sản xuất kinh doanh - Nhà xuất bản tài chính - Năm 2002. 2/ GS. TS Nguyễn Đình Phan, GS. TS Nguyễn Kế Tuấn, Giáo trình Kinh tế và quản lý công nghiệp,	1/ GS.TS. Đặng Đình Đào, Giáo trình Kinh tế thương mại, NXB ĐHKQTĐ, 2008. 2/ TS Phạm Ngọc Linh và TS Nguyễn Thị Kim Dung, Giáo trình Kinh tế phát triển,

		NXB ĐH KTQD, 2007.	NXB ĐH KTQD, 2008
48	Lập và phân tích dự án đầu tư	1/ PGS.TS Nguyễn Thị Bạch Nguyệt, Giáo trình lập dự án đầu tư, NXB ĐH KTQD, 2008.	2/ PGS.TS Từ Quang Phương, Giáo trình quản lý dự án - NXB ĐHKTQD, năm 2010.
49	Văn hóa doanh nghiệp	1. Dương Thị Liễu (2008), Giáo trình văn hoá kinh doanh, nxb ĐHKTQD	1. John R. Boatright Ethics and the Conduct of Business (2007), Đạo đức và quản trị kinh doanh) / John R. Boatright USA: Prentice Hall,. 2. Nguyễn Mạnh Quân (2015), Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty, nxb ĐH Kinh tế Quốc dân
50	Kinh tế môi trường	1/ GS Lê Thạc Cán, GVC Nguyễn Duy Hồng, TS Hoàng Xuân Cơ, Kinh tế môi trường NXB Thống kê, 2006	1/ TS Nguyễn Văn Song, TS.Vũ Thị Phương Thuy - Giáo trình Kinh tế tài nguyên môi trường, NXB Nông nghiệp, 2006
51	Thuế	1.Nguyễn Thị Liên; Nguyễn Văn Hiệu (2009) Giáo trình thuế, Nhà xuất bản tài chính.	1. Lê Xuân Trường, Vương Thị Thu Hiền (2011), Câu hỏi & bài tập thuế, NXB tài chính.
52	Thị trường chứng khoán	1. Bạch Đức Hiền, <i>Giáo trình Thị trường chứng khoán</i> (2008), NXB Tài chính	1. Lê Văn Tư, Lê Tùng Vân (2000); Thị trường chứng khoán/ Lê Văn Tư; NXB Thống kê, 2. Hoàng Văn Quỳnh (2008),

			<i>Câu hỏi và bài tập thị trường chứng khoán, NXB tài chính</i>
53	Quản trị bán hàng	1.Ths Ngô Minh Cách- Ths Nguyễn Sơn Lam, Quản trị bán hàng, NXB Tài Chính, 2010	1. Quang Minh (2011), Quản trị kinh doanh và các kỹ năng bán hàng hiệu quả tập 1, nxb Lao động
54	Khởi sự doanh nghiệp	1. Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga (2011), Khởi sự kinh doanh, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân	1. Nguyễn Phi Vân (2015), Nhượng quyền khởi nghiệp, Nxb Trẻ 2. Nguyễn Ngọc Huyền (2008), Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp, Nxb ĐH KTQD.

12. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp được xây dựng trên cơ sở chương trình khung giáo dục Đại học, ngành Quản trị kinh doanh, trình độ đào tạo Đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo) và các quy định xây dựng chương trình chuyển đổi từ niên chế học phần sang học chế tín chỉ của trường ĐH Hồng Đức và tham khảo các chương trình cùng ngành của các trường ĐH trong và ngoài nước.

Chương trình đào tạo ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ chương trình đào tạo ngành, Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần và hồ sơ học phần theo quy định của Trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể nhà trường, của địa phương, đáp ứng được nhu cầu của người học và của toàn xã hội. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần, tiến hành xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hoá chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khoá đào tạo.

Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm ký, duyệt đề cương chi tiết học phần,

xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế; các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Chương trình này cũng được áp dụng cho hình thức đào tạo hệ vừa làm vừa học. Nhưng thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 tháng đến 12 tháng (tuỳ theo kế hoạch sắp xếp thời gian); không tổ chức học giáo dục thể chất.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hàng năm nếu Khoa /Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, làm văn bản trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường xem xét. Nếu thấy hợp lý Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có Quyết định của Hiệu trưởng./.



Nguyễn Mạnh An